



MÙA XUÂN LẠI TỚI, NÓI CHUYỆN THÁNG GIÊNG

Nói chuyện tháng Giêng là đề tài tôi viết để gửi đăng trên một số các báo xuân ở hải ngoại cách đây nhiều năm. Tháng Giêng ở đây không phải là Tháng Giêng Cỏ Non của Nhà Văn Mai Thảo hay với cỏ non của Thi Hào Nguyễn Du với “Cỏ non xanh dọn chân trời” mà chỉ đơn giản là tháng Giêng như là một từ ngữ dùng trong tiếng Việt như là tháng đầu của mười hai tháng trong một năm.

Chuyện bị mất tên, hay nhẹ hơn, bị đổi tên ngay từ ngày Việt Nam Tự Do không còn nữa ngày nay đã trở thành chuyện cũ. Nhưng tất cả đã không biến mất mà đã trở thành trong hồi tưởng để bắt chọt từ một cõi nào đó của tiềm thức trở về và sống động hơn bao giờ hết. Có điều cần được để ý ở đây là bị đổi, bị mất hay bị bắt buộc đổi là do một thế lực từ bên ngoài tạo nên. Người trong cuộc thì không bao giờ chấp nhận hay chỉ miễn cưỡng chấp nhận. Chuyện Tháng Giêng ở đây không nằm trong trường hợp này. Sự mất tên hay đang trên đà bị mất tên của nó không do một kẻ thù nào hết mà do chính những người coi nó là thân thương tạo ra.

Câu chuyện xoay quanh một số các từ ngữ từ sau năm 1975, vì lý do này hay lý do khác, hầu như không còn được dùng nữa. Người ta, đặc biệt là một số các xưởng ngôn viên của các đài phát thanh, đã dùng những từ ngữ khác để thay thế. Trong số đó có từ ngữ Tháng Giêng, từ ngữ dùng để gọi tháng đầu tiên của một năm. Thay vì gọi hay đọc tháng này là tháng Giêng, người ta gọi hay đọc nó là Tháng Một. Lý do có lẽ vì khi viết thay vì viết chữ Giêng người ta dùng số 1 cho nhanh, gọn và tiện dụng. Từ đó, tháng Chạp trở thành tháng Mười Hai, viết bằng số 12, và tháng Một tất nhiên không còn là tháng Mười Một nữa mà không rõ là tháng nào trong hai tháng, Giêng hay Mười Một. Nhớ lại những bài học thuộc lòng trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư của các tác giả Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đỗ Đình Phúc và Đỗ Thận soạn, xuất bản từ lâu dưới thời Pháp thuộc mà người thuộc thế hệ tôi hay lớn hơn tôi có dịp học hỏi còn nhỏ trong đó có các câu:

Tháng Giêng ăn tết ở nhà...

hay:

Tháng Giêng là tháng ăn chơi

để kết thúc bằng:

Tháng Một, Tháng Chạp nên công hoàn toàn.

Mà thỉnh thoảng tôi vẫn thấy các thầy cô ở các trường Việt ngữ hiện tại thường nhắc tới, tôi không khỏi bùi ngùi khi thấy một chuyện bình thường người ta không nên để xảy ra, vẫn xảy ra. Đây không phải là chuyện bảo thủ hay không bảo thủ, dù là chuyện liên hệ tới ngôn ngữ, mà ngôn ngữ vốn có tính chất qui ước và luôn thay đổi. Có điều qui ước hay không qui ước, thay đổi hay không thay đổi, người nói vẫn không thể vì lý do gì đi chăng nữa làm mất đi tính cách chính xác và phong phú của ngôn ngữ mình sử dụng. Một thí dụ điển hình là người Mỹ, nói riêng, và dân của những nước nói tiếng Anh, nói chung, cũng ở vào trường hợp tương tự nhưng họ đã không làm như vậy. Khi viết để cho tiện và không chính thức họ vẫn dùng các con số 1 cho tháng Giêng, 2 cho tháng Hai... liên tục cho đến số 12 cho tháng Chạp trong cách ghi ngày tháng của họ. Nhưng khi phải ghi một cách đầy đủ một cách hình thức và tránh nhầm lẫn họ vẫn viết rõ là January, February... December. Còn khi nói, khi đọc, chính thức hay không chính thức, họ luôn luôn dùng các tiếng này chứ không bao giờ dùng các con số để thay thế.

Thoáng đó, nhiều năm đã trôi qua. Vì bận rộn với cuộc sống thường ngày, tôi không có dịp theo dõi chuyện này và bây giờ, khi viết bài này, tôi và quý bạn đọc, chúng ta đang ở vào tháng Giêng của năm mới tây 2019, còn tháng Giêng của năm mới ta thì chưa tới, nên tôi chưa thể nói là bà con ta hiện tại có còn cái tật sử dụng tiếng Việt một cách bừa bãi, cầu thả, mà tôi nghĩ phần lớn là do lười biếng mà ra, như vậy nữa hay không. Nói như vậy vì nói tới tháng Giêng tây nhiều người đã dùng chữ Một, tháng Một và tôi hy vọng các vị này muốn dành hai chữ tháng Giêng cho tháng đầu năm âm lịch mang nhiều ý nghĩa liên hệ tới truyền thống Việt Nam xưa hơn. Tuy nhiên nhiều vị khác cũng cảnh cáo tôi là đừng lạc quan hão, đồng thời thỉnh thoảng tôi cũng thấy có người đề cập đến vấn đề này như nói đến một “nỗi buồn tiếng Việt”. Sự trong sáng và phong phú của ngôn ngữ của chúng ta dường như mỗi ngày một bị lu mờ, thui chột trước cuộc sống mới nặng về thực tế và lúc nào cũng tất bật, vội vã. Người ta đã nài đủ có, kể cả ngang ngược tự cho mình là đúng để muốn nói sao thì nói, muốn viết sao thì viết không theo một nguyên tắc nào cả, nhất là khi mọi người, vì lý do này hay lý do khác, kể cả lười biếng, thiếu suy nghĩ, dễ dãi chạy theo thời thượng hay để phá bỏ những gì thuộc một thời xưa cũ.

Bây giờ nói tới chuyện mới. Gọi là mới, nhưng thực sự thì chuyện này đã xảy ra từ hơn hơn hai chục năm trước. Hồi đó là năm 1995, hai mươi năm sau khi chế độ cộng hòa ở Miền Nam không còn nữa. Để tưởng nhớ tới biến cố quan trọng nhưng vô cùng phức tạp đối với dân tộc Việt Nam này, đài BBC của người Anh, một dân tộc nổi tiếng là lạnh lùng và thực tế, khác hẳn với người Pháp, đã phỏng vấn một số người Việt về sự khác

biệt trong cuộc sống của người Việt Nam ở hai miền Nam, Bắc sau hai chục năm thống nhất chẳng có gì đáng hãnh diện, trái lại đầy bi thương này. Một trong số những người được phỏng vấn là Giáo Sư Sử Học Trần Quốc Vượng thuộc trường Đại Học Quốc Gia Hà Nội. Tôi không nhớ rõ là để trả lời câu hỏi nào Giáo Sư Vượng đã có dịp đưa ra nhận xét của mình khi đề cập tới tiếng Việt ở Miền Nam. Đại khái câu nói của ông là ông và nhà văn Nguyễn Tuân, một nhà văn rất nổi tiếng trong thời tiền chiến với lối viết tùy bút vô cùng tế nhị, vô cùng bóng bẩy, nặng tính chất hoài cổ của ông, rất lấy làm đặc ý về một câu nói của đồng bào Miền Nam là “vậy mà không phải vậy”. Phát biểu thế thôi, Giáo Sư Vượng đã không giải thích thêm. Người nghe muốn hiểu sao thì hiểu và áp dụng vào khía cạnh nào của cuộc sống thì áp dụng, trong đó có cả sự kiện Miền Bắc đã dùng bạo lực xâm chiếm Miền Nam để thống nhất đất nước và tình trạng thống nhất hai chục năm sau đó. Thay vào đó, với thói quen nói lên sự thực của một người dạy và viết sử và với bản tính bộc trực, ông đã thêm một chữ khác hay được dùng ở miền Nam là chữ “nên” khác với chữ “phải” ở Miền Bắc. Với chữ “phải” này, ông chú thích thêm rằng đó là “tiếng của cán bộ”. Tôn trọng Giáo Sư Trần Quốc Vượng, giờ này đã qua đời, và để độc giả được thông thả suy luận, theo đúng với tinh thần “ra vô thông thả” của người Miền Nam, tôi chỉ thuật lại nội dung đại khái của cuộc phỏng vấn này và không bàn rộng hơn nữa. Nhân dịp nói tới tiếng của các cán bộ, tôi lại nhớ tới hai tiếng đội ngũ được dùng để gọi chung một tập thể nào đó như đội ngũ thanh niên, đội ngũ cán bộ, đội ngũ y tá, đội ngũ kỹ giả... và luôn cả đội ngũ trí thức. Điều tôi cho là bất ổn ở đây là trí thức mà được xếp thành đội ngũ thì làm sao làm trí thức được. Cũng vậy, người ta thường dùng hai tiếng “chức năng” cho mọi trường hợp mà không dùng hai tiếng hữu trách: cơ quan chức năng, giới chức năng, thay vì cơ quan hữu trách, giới hữu trách..., từ đó các cán bộ của chế độ khi được trao nhiệm vụ chỉ lo cho chức năng, quyền hạn và nhất là quyền lợi của cá nhân và gia đình mình... mà không còn trách nhiệm nữa nên tha hồ lạm dụng địa vị, quyền thế của mình, vì có làm lỗi thì chỉ bị “điều” sang chỗ khác, có khi còn tốt hơn chỗ cũ nữa. Còn biết bao nhiêu những từ ngữ khác như thành viên, tham quan, đảng ký, sâu sắc, tuyến đường, thập kỷ... Cái gì cũng thành viên dù còn có bao nhiêu từ ngữ khác như hội viên, đoàn viên, ủy viên, nhân viên..., rồi lúc nào cũng đảng ký thay vì nôm na ghi tên, ghi danh, để dành đảng ký cho những gì liên quan tới các sổ sách, sổ bộ của cơ quan công quyền nhằm lưu trữ lâu dài như đảng bộ...; đã đường lại còn tuyến, đường bộ, đường sắt, đường thủy là đủ rồi cần gì phải tuyến với tuyến đường bộ, tuyến đường sắt, chưa kể tuyến và đường hoàn toàn khác nghĩa nhau. Chưa hết, đã tuyến, đã đường lại còn trực: tuyến đường trực bắc nam, chưa kể tới sâu xa và sâu sắc, chất lượng và phẩm chất...

Trở lại chuyện mùa xuân và tháng giêng. Cũng trong bài học thuộc lòng kể trên, câu thứ hai của bài này là:

Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè...

Hội hè trong sinh hoạt cổ truyền ở Miền Bắc Việt Nam tượng trưng cho tinh thần và cuộc sống hồn nhiên, vui tươi, thoải mái, hoàn toàn tự do không bị ràng buộc của người Việt truyền thống sau những ngày lao động vất vả với đầy dẫy những lo âu mà trên từ vua

chúa, quan lại, dưới đến các nhà đạo đức tôn sùng Khổng giáo hay các bô lão ở các xã thôn đều phải tôn trọng. Người ta đã mở hội để không chỉ riêng dân trong làng vui chơi mà luôn cả dân từ các làng khác hay từ các thành phố về tham dự.

*Mùa xuân ấy ông tôi lên tận tỉnh
Đón tôi về xem hội ở làng bên...*

Đoàn Văn Cừ (Đám Hội)

Những hội hè này trong suốt thời Pháp thuộc vẫn đều đặn được mở ra với tất cả những tiết mục mà một số vượt ra ngoài trí tưởng tượng của người trẻ của thế hệ hiện tại. Trừ một số hội chùa hay một số hội đền, đa số các hội được người ta “trẩy” để vui chơi, để gặp gỡ và nếu có phải lễ thì lễ ít hơn là hội. Chữ “lễ” do đó hầu như không được dùng mà chỉ có chữ hội hay hội hè hay hội hè đình đám cho cả trăm hội ở khắp trong nước ở miền núi cũng như khắp miền xuôi, từ hội đền như Hội Đền Hùng, Hội Đền Kiếp Bạc... hội chùa như Hội Chùa Hương, Hội Chùa Keo... hội phủ như Hội Phủ Giầy... đến các hội làng. Tất cả đều là “hội”. Không hề có hội lễ hay “lễ hội”. Lý do rất đơn giản. Đó là vì hội là mục đích chính và lễ là phụ. Người ta “trẩy hội” là để vui chơi, để xem hội. Còn lễ chỉ là cái có. Có thì càng tốt mà không lễ thì cũng chẳng sao, không bắt buộc. Người Việt bản chất rất bao dung về tôn giáo, tín ngưỡng. Không phải chỉ qua ngôn ngữ bình thường mà qua cả thi ca, sau này là tiểu thuyết... người ta cũng thấy phản ánh rõ rệt điều này. Nhưng đó là chuyện của quá khứ. Sau một thời gian bị lãng quên vì chiến tranh và vì cách mạng, các hội hè cổ truyền của người Việt, do nhu cầu bảo tồn truyền thống của dân tộc, nhu cầu phát triển du lịch hay nhu cầu thuần túy chính trị... đã được mở lại. Đây là một cố gắng đáng khích lệ. Nhưng từ hội hè theo đúng tinh thần truyền thống Việt Nam của những biến cố đặc trưng cho một nếp sống đã tồn tại từ nhiều ngàn năm, đổi sang lễ hội, người ta đã vô tình làm mất đi ý nghĩa hồn nhiên, căn bản ban đầu của một hình thức biểu hiện cuộc sống tập thể ở nông thôn thời xưa của người Việt.

Ngôn ngữ là phương tiện để truyền đạt nhưng không phải chỉ là thuần túy truyền đạt mà còn là một biểu hiện của tinh thần, của nếp sống và rộng ra là của văn hóa của người sử dụng và của dân tộc sử dụng ngôn ngữ ấy. Coi là phương tiện, người ta có thể sử dụng nó một cách tùy hỷ nhưng điều này chỉ nên áp dụng cho những gì liên hệ tới cuộc sống tạm bợ hàng ngày. Đối với những phạm vi khác liên hệ tới quá khứ và tương lai lâu dài hơn và ở một trình độ cao hơn, trong sinh hoạt trí thức, tâm linh..., người sử dụng phải vô cùng thận trọng hầu tránh làm mất đi những tính cách chính xác, trong sáng, êm tai và phong phú, của ngôn ngữ mà mình yêu mến và có may mắn được dùng vậy. Việc làm nói ra thì dễ nhưng thực hiện và thường xuyên thực hiện, bắt đầu tự nhắc nhở là nhắc nhở người khác không dễ chút nào trong khi chờ đợi một cơ quan có thẩm quyền vừa về chuyên môn, vừa có tính cách đại diện cho toàn thể dân tộc, một Hàn Lâm Viện Quốc Gia chẳng hạn. Điều này ở Miền Nam thời trước năm 1975 người ta đã từng bắt đầu thực hiện với sự tồn tại của một ủy ban soạn thảo quy chế cho viện này trong Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa do Linh Mục Cao Văn Luận, nguyên Viện Trưởng

Viện Đại Học Huế làm chủ tịch. Buổi họp đầu tiên của ủy ban này rơi đúng vào một ngày sau khi Ban Mê Thuật thất thủ và Linh Mục Luận, thay vì tuyên bố khai mạc buổi họp, đã buồn rầu thông báo tin không vui này cho mọi người hiện diện, trong đó có người viết bài này. Tương cũng nên viết thêm là ngoài dự án thành lập Hàn Lâm Viện, ở Miền Nam còn có Ủy Ban Điền Chế Văn Tự thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục mà người viết cũng có chân trong ủy ban này. Cách làm việc của ủy ban này gồm có hai phần. Một phần do các nhà chuyên môn của các ngành học đảm trách, phần kia thuộc các vị túc nho lão thành tinh thông chữ Hán, chữ Việt và ngôn ngữ học như các giáo sư Nghiêm Toàn, Lê Ngọc Trụ... Hai bên hợp tác với nhau. Một bên vì hiểu rõ về chuyên môn của mình nên có trách nhiệm tìm kiếm những chữ thích hợp trong tiếng Việt. Bên kia có nhiệm vụ duyệt lại chữ Hán, chữ Việt và trên bình diện ngôn ngữ học có chính xác và hợp lý hay không. Cũng vậy với các tiếng mượn từ tiếng Tàu hay tiếng Nhật, không phải tiếng nào cũng mượn đại cho nhanh việc, cho đỡ tốn tâm sức, thì giờ.

Bên cạnh Ủy Ban Điền Chế Văn Tự còn có các đại học lo phần riêng của mình nhằm đáp ứng nhu cầu Việt hóa và hiện đại hóa chuyên ngữ ở bậc đại học thay thế cho tiếng Pháp. Nên biết thêm là do thận trọng, ngay từ đầu qua tập Danh Từ Khoa Học của Học Giả Hoàng Xuân Hãn, người ta đã không dùng danh từ thuật ngữ để gọi các từ ngữ chuyên môn vì qua chữ thuật người ta nghĩ ngay đến xảo thuật, ma thuật, quỷ thuật, đến sự khéo léo để nhất thời đánh lừa tai, mắt mọi người, những gì thuộc phạm vi hữu hình bên ngoài mà người ta có thể thấy qua giác quan thay vì trí tuệ, tư duy, trừu tượng nằm sâu trong đầu óc, trong nội tâm con người; nói cách khác liên quan tới tôn giáo, triết học, khoa học... Một thí dụ là chữ “**cảng**” trong các danh từ nhập cảng và xuất cảng. *Chữ cảng không chỉ có nghĩa là cửa sông, cửa biển hay vũng biển nơi tàu bè có thể ra vào ẩn náu được mà còn có nghĩa là nơi đó phải được trang bị cho tàu bè có thể cập bến, có thể rời hàng, có kho chứa hàng, có cầu lên xuống cho hành khách, có cơ quan kiểm soát hàng hóa, hành khách và thu thuế... mà chữ khẩu không bao hàm những ý nghĩa cần phải có nếu ta muốn đối chiếu chữ này với chữ “port” trong tiếng Anh hay tiếng Pháp mà chữ “khẩu” không có.* Chính vì vậy mà chữ “cảng” còn được dùng để gọi những phi trường quốc tế như Phi Trường Tân Sơn Nhứt. Tôi viết “Nhứt” với chữ “u” chứ không với chữ “â” như ở thời Việt Nam Cộng Hòa và trước đó, mà ngay sau Việt Nam Cộng Hòa không còn nữa, do sự cao ngạo của những kẻ chiến thắng từ Miền Bắc vô. Điều này người ta có thể phối kiểm được bằng cách so sánh tên chính của phi trường này trên các hình ảnh còn giữ được với tên hiện tại. Nên nhớ tiếng “Nhứt” này có một thời được dùng để nhận diện người Bắc khi có phong trào phân biệt Nam, Bắc hồi giữa thập niên 1940, từ đó đã gây khó khăn cho những “người Bắc cũ”, những người đã vô Nam từ lâu, từ trước năm 1954. Phi Cảng Tân Sơn Nhứt vì vậy đã được dùng thêm thay vì chỉ dùng Phi Trường Tân Sơn Nhứt. Những người đã làm công việc đổi tên này vì phải chăng vì quá say mê chiến thắng đã không quan tâm đến hậu quả tâm lý của người Miền Nam, đã quên lời người xưa dạy là “**Chữ cha không bằng pha tiếng**”.

Vấn đề tuy nhiên còn cần phải được bàn thảo nhiều hơn nữa. Chính vì vậy, như đã nói ở trên, trong những năm cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam, người ta không

chỉ mới nghĩ tới mà đã bắt đầu thực hiện việc thành lập Hàn Lâm Viện qua một ủy ban thuộc Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục với Linh Mục Cao Văn Luận làm chủ tịch mà người viết có dịp tham gia. Cái dễ thương của Miền Nam nằm ở đó. Người ta vẫn chiến đấu và người ta vẫn xây dựng; người nào việc đó nghiêm chỉnh làm việc trong phạm vi riêng của mình. Người lính làm việc của người lính, thầy cô giáo làm việc của thầy cô giáo; nhà văn, nhà thơ, người làm nhạc vẫn tha hồ sáng tạo. Miền Nam nhờ đó vẫn đứng vững và vẫn phát triển về mọi phương diện, dù chỉ có hai mươi năm với những thành tích hiện tại ít ai có thể phủ nhận được. Giáo dục và âm nhạc là hai thí dụ. Điển hình là cho đến nay nói tới nhạc xuân, người ta vẫn không thấy một bài nào có thể sánh được chứ chưa nói thay thế cho bài Ly Rượu Mừng của Phạm Đình Chương và biết bao nhiêu ca khúc khác mà người ta gọi chung là Nhạc Vàng của một thời không còn nữa.

Cuộc sống vừa tôn trọng vai trò và những nguyên tắc cơ bản của lý trí vừa phong phú về tình cảm của Miền Nam, được thể hiện trong mọi phạm vi sinh hoạt của con người, khiến cho vùng đất của tự do sau này, dù không còn nữa nhưng vẫn luôn luôn giữ được những giá trị riêng của nó, giống như những giá trị của văn minh Hy Lạp, La Mã của thế giới Tây Phương trước sự xâm nhập của các Rợ Phương Bắc. Làn Gió Nam hiền hòa, mát mẻ vẫn phần nào đem lại những giờ phút thoải mái cho mọi người, thay thế cho những đợt gió bắc với những ngày mưa dầm ảm ướt và lạnh lẽo, buốt tận xương mà cổ nhân ta, nếu người viết không nhớ lầm, Vua Lê Thánh Tông, đã một thời diễn tả:

*May được nồm nam cơn gió thổi,
Đàn ta, ta gảy khúc nam nghe.*

hay sau này, dưới thời Trịnh Nguyễn, Tây Sơn:

*Lậy trời cho cả gió nồm,
Cho thuyền Chúa Nguyễn căng buồm thẳng ra.*

Phạm Cao Dương

Quận Cam, những ngày gió lạnh cuối năm 2018



Nguồn: Internet eMail by ddcb chuyển

*Đăng ngày Chúa Nhật, December 30, 2018
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQT/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*